|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:26/12/2024 | Tiết PPCT | Ngày dạy | 03/01/2025 |
| 67,68 | Lớp | 8B |
| Tiết (TKB) | 1,2 |

**Tiết 67,68**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Hệ thống lại các nội dung cơ bản đã học trong học kì I, gồm các kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn bản.

- Đặc điểm hình thức và nội dung của thơ sáu chữ, bảy chữ, văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên, văn bản nghị luận, truyện cười, hài kịch.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực nhận diện các đặc điểm của các kiểu văn bản đã học, kĩ năng các kiểu bài viết.

**b. Năng lực riêng biệt**

 - Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**3. Về phẩm chất**

 Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung các bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Khái quát, tổng hợp tri thức Ngữ văn.

**b) Nội dung**:

- HS trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:** HS nêu/trình bày được

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi*: Em đã học những nội dung nào trong học kì 1 ?****B2: Thực hiện nhiệm vụ***Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ***B3: Báo cáo, thảo luận***1-2 HS trả lời câu hỏi, nhóm trưởng báo cáo phần chuẩn bị bài ở nhà của các thành viên trong nhóm.***B4: Kết luận, nhận định (GV)***- Nhận xét (hoạt động trò chơi của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động ôn tập. - Viết tên bài học, thực hành ôn tập. | - Tạo tâm thế hứng thú cho HS vào bài mới. |

**HOẠT ĐỘNG 2.** **ÔN TẬP**

**I. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, củng cố các đơn vị kiến thức giữa học kì I.

**b) Nội dung:** HS làm việc cá nhân, HĐ nhóm đẻ hệ thống kiến thức

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ******1/ Nhóm 1*** Kể tên các vb hài kịch, truyện cười đã học? Xác định mâu thuẫn gây cười và nội dung của các vb đó***2/ Nhóm 2 :*** Kể tên các vb NLXH đã học? Xác định nội dung của các vb đó***3/ Nhóm 3:*** Nhắc lại kiến thức cơ bản của phần Viêt ( bài 4,)***4/ Nhóm 4 :*** *Nhắc lại kiến thức cơ bản của phần nói và nghe.****Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***- HS thực hiện nhiệm vụ.- GV quan sát, hỗ trợ.***Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận***- HS báo cáo kết quả;- GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.***B4: Kết luận, nhận định (GV)***- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  |  |

**\* Dự kiến sản phẩm của HS**

**1/ Hệ thống hoá kiến thức cơ bản các văn bản hài kịch, truyện cười**

**a. Các văn hài kịch, truyện cười**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên văn bản** | **Thể loại** | **Mâu thuẫn/ xung đột** | **Nội dung/ Ý nghĩa** | **Nghệ thuật** |
| **Đổi tên cho xã**( Lưu Quang Vũ )  | Hài kịch | -> Xung đột kịch xảy ra trong văn bản là sự đối lập giữa sự chân thực, thật thà >< sự giả dối, ảo tưởng, hão huyền, sĩ diện | **- Nội dung**- Văn bản kể về việc đổi tên cho xã**- Ý nghĩa**- Truyện phê phán bệnh sĩ- Nhắc nhở mỗi người sống khiêm nhường, không khoa trương hình thức. | - Xây dựng cốt truyện nhẹ nhàng nhưng hài hước và hấp dẫn- Cách xây dựng nhân vật qua nhiều phương diện.- Văn bản thành công trong việc sử dụng thủ pháp trào phúng tạo nên tiếng cười vui vẻ.  |
| **Cái kính**( A-dít Nê-xin ) | **Truyện cười** | - 5 lần đi khắm mắt, nhận 5 kết luận và đeo kính khác nhau của các bác sĩ.-> Mắt của nhân vật "tôi" vốn chẳng bị gì hết nhưng lại bị phóng đại thành có bệnh, rồi bệnh này sang bệnh kia. Các ông bác sĩ chê nhau nhưng chính mình cũng khám không ra. | - Dùng tiếng cười nhẹ nhàng phê phán hiện tượng bệnh tưởng trong cuộc sống và sự thiếu trách nhiệm trong khám chữa bệnh của một số y, bác sĩ. | - Cốt truyện giản dị, đời thường, sử dụng thành công thủ pháp phỏng đại để tạo ra được tiếng cười phê phán nhẹ nhàng nhưng ý nghĩa sâu sắc, thấm thía, ... |
| **Ông Giuốc Đanh mặc lễ phục** *(Trưởng giả học đòi làm sang)*Mô-li-e | Hài kịch | **- Mâu thuẫn kịch gây cười** -> Giuốc-đanh khó tính, khắt khe từ chủ động trở thành bị động trước sự ma mãnh của tay phó may lọc lõi, khéo miệng đưa đẩy chỉ vì thói học đòi làm sang.**- Mâu thuẫn gây cười:** Giuốc-đanh biết mình bị lợi dụng nhưng vẫn chi tiền vì thói học đòi làm sang. | Đoạn trích khắc họa tài tình tính cách lố lăng của một tên trưởng giả muốn học làm sang, tạo nên tiếng cười sảng khoái cho khán giả. | - Lời thoại chân thực, sinh động.- Ngôn ngữ trào phúng, mỉa mai, đả kích, phê phán.- Nghệ thuật tăng cấp khắc họa rõ nét tính cách nhân vật. |
| **Thi nói khoác** |  Truyện cười dân gian | - Bốn viên quan thi nhau nói những điều không có thật trong thực tế để xem ai nói giỏi hơn và kết thúc bất ngờ ở lời tên lính hầu.- Bất ngờ hơn nữa tiếng thét “uy quyền” khiến bốn viên quan hoảng sợ là tên lính hầu nhỏ bé cũng đang nói khoác “chơi chơi” với các quan. → Đây chính là yếu tố gây cười bất ngờ của tác phẩm. | “Thi nói khoác” là thi nói những điều không có thật trong cuộc sống | - Mang tiếng cười mua vui, giải trí- Phê phán, châm biếm thói khoác lác của con người (MĐ chính)- Bài học: Không nên nói những điều không có thật, quá sự thật trong cuộc sống. |

**b. Đặc điểm thể loại hài kịch, truyện cười**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Hài kịch** | **Truyện cười** |
| **Khái niệm** | - Hài kịch là thể loại kịch dùng tiếng cười để châm biếm, đả kích, phê phán những thói hư tật xấu, cái lố bịch, lói thời,... trong đời sống. - Tiếng cười trong hài kịch được tạo ra bởi các mâu thuẫn (xung đột), nhân vật, hành động, lời thoại,... và một số thủ pháp trào phúng tiêu biểu.  | - Truyện cười là một thể loại truyện chứa đựng cái hài, dùng tiếng cười làm phương tiện chủ yếu để giải trí, mua vui hoặc châm biếm, đả kích, phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội. - Có truyện cười dân gian và truyện cười hiện đại. |
| **Đặc điểm** | **- Xung đột trong hài kịch** thường là sự mâu thuẫn giữa cái xấu (cái thấp hèn) với cái tốt (cái đẹp, cái cao cả); - Nhân vật trong hài kịch thường có sự không tương xứng giữa thực chất bên trong và hình thức bèn ngoài, giữa suy nghĩ và hành động, lời nói và việc làm nén thường trở nên lố bịch, hài hước. **- Hành động** trong hài kịch gắn với mâu thuẫn và tính cách nhân vật nên thường tương phản với nhau. **- Lời thoại** cũng là phương tiện biểu đạt quan trọng của kịch. Do gắn với nhân vật, giúp nhân vật bộc lộ đặc điểm, tính cách nên lời thoại trong hài kịch thường là ngôn ngữ hài hước, gây cười. **- Thủ pháp trào phúng** (biện pháp tạo ra tiếng cười) trong hài kịch chủ yếu là nghệ thuật phóng đại (nói quá, cường điệu).  | **- Truyện cười thường ngắn gọn**, cốt truyện đơn giản, ít nhân vật. **- Nhân vật, ngôn ngữ và các thủ pháp trào phúng** trong truyện cười cũng có những điểm giống như trong hài kịch. **- Bối cảnh** của truyện cười thường là các tình huống mâu thuẫn giữa thật và giả, nội dung và hình thức, bên trong và bên ngoài,...;**- Kết thúc** truyện cười thường bất ngờ.  |

**2/ Hệ thống hoá kiến thức cơ bản các văn bản các văn bản NLXH**

**a. Các văn bản các văn bản NLXH**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên VB và TG** | **Thể loại** | **Nội dung** | **Nghệ thuật** |
| **HỊCH TƯỚNG SĨ (Dụ chư tì tướng hịch văn)****- Trần Quốc Tuấn –** | **Hịch** | - Bài Hịch phản ánh tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống quân Mông − Nguyên xâm lược, thể hiện qua lòng căm thù giặc sâu sắc, ý chí quyết chiến thắng kẻ thù xâm lược.  | - Giọng điệu đa dạng; ngôn ngữ trang trọng, uyên bác, giàu tính ước lệ, tượng trưng- Lời văn biền ngẫu đăng đối, truyền cảm; - Biện pháp cường điệu, ẩn dụ, câu hỏi tu từ; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lập luận chặt chẽ, sắc bén với lời văn thống thiết, có sức lôi cuốn mạnh mẽ.- Đây là một áng văn nghị luận xuất sắc trong lịch sử văn học dân tộc. |
| **NƯỚC ĐẠI VIỆT TA (Trích Đại cáo bình Ngô)****- Nguyễn Trãi -** | **Cáo** | - Nước ta có độc lập chủ quyền có vua riêng, địa lí riêng, không chịu khuất phục trước quân thù. Có bề dày l.sử đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc, một nền độc lập dân tộc được xây dung trên cơ sở nhân nghĩa  | - Đoạn đầu bài cáo so sánh đối lập từ khái quát đến cụ thể, giàu chứng cứ lịch sử- Cảm xúc tự hào, giọng thơ hào hùng, lời văn nhịp nhàng ngân vang.  |
| **CHIẾU DỜI ĐÔ** **(Lý Công Uẩn)**  | **Chiếu** | **“Chiếu dời đô”** cho thấy tầm nhìn chiến lược của Lý Công Uẩn về Đại La, nơi sẽ dời đô đến. Một cái nhìn toàn diện, sâu sắc, chính xác về các mặt vị trí địa lí, địa thế, nhân văn... qua đó thể hiện khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập, thống nhất, đồng thời phản ánh ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh. | - Lối viết văn chính luận, biền ngẫu, các vế đối nhau cân xứng nhịp nhàng- Cách lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc sảo rõ ràng.- Dẫn chứng tiêu biểu giàu sức thuyết phục.- Có sự kết hợp hài hòa giữa tình và lí |
| **NƯỚC VIỆT NAM TA NHỎ HAY KHÔNG NHỎ?**(Dương Trung Quốc) | Văn nghị luận | "Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ?" là một bài văn nghị luận xã hội. Văn bản làm nổi bật lên tinh thần yêu nước, truyền thống, lịch sử chiến đấu bảo vệ độc lập, hòa bình của dân tộc ta.  | - Dẫn chứng tiêu biểu, cụ thể, phong phú, giàu sức thuyết phục.- Lí lẽ thống nhất với dẫn chứng và được diễn đạt dưới hình ảnh so sánh sinh động, dễ hiểu.- Bố cục chặt chẽ, lập luận mạch lạc.- Giọng văn tha thiết, giàu cảm xúc. |

**b. Đặc điểm thể loại**

- Nghị luận xã hội là kiểu vần bản trong đó tác giả đưa ra ý kiến của mình vé một vấn đề xã hội và dùng các lí lẽ, bằng chứng để luận bàn, làm sáng tỏ và thuyết phục người đọc vé ý kiến đã nêu lên.

**- Các kiểu vần bản nghị luận xã hội:**

* Nghị luận xã hội thời trung đại Việt Nam, thời trung đại, văn bản nghị luận được viết bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm, được thể hiện bằng các thể loại như chiếu, cáo, hịch,...
* Nghị luận xã hội thời hiện đại: Khác với nghị luận xã hội trung đại, nghị luận xã hội hiện đại được viết bằng văn xuôi quốc ngữ, câu vần tự do. về nội dung, bén cạnh những ván đê có tính chất quốc gia, quốc tế, các văn bản nghị luận xã hội hiện đại còn bàn bạc nhiéu ván đé của cuộc sống đời thường. Tác giả nghị luận xã hội hiện đại có thể là những nhân vật có uy tín, có vị trí trong xã hội hoặc có thể là một người bình thường.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hịch** | **Chiếu**  | **Cáo** | **Văn nghị luận** |
| **Khái niệm** | - Hịch được vua, chúa, tướng lĩnh hoặc thủ lĩnh các phong trào viết ra để kêu gọi, thuyết phục dân chúng và những người dưới quyền cùng thực hiện những sự việc trọng đại. | Chiếu, cáo thường được vua, chúa dùng để ban bố trước dân chúng vé những công việc và sự kiện có tính chất quốc gia; | - Nghị luận xã hội là kiểu vần bản trong đó tác giả đưa ra ý kiến của mình vé một vấn đề xã hội và dùng các lí lẽ, bằng chứng để luận bàn, làm sáng tỏ và thuyết phục người đọc vé ý kiến đã nêu lên. |
| **Đặc điểm** | **Nghị luận xã hội thời trung đại** thường được viết bằng văn biến ngẫu *(biển* là ngựa đi sóng đòi; *ngẫu* là từng cặp), từ ngữ được sử dụng trang trọng, uyên bác, giàu tính ước lệ, tượng trưng, có sự kết hợp hài hoà giữa yếu tố lập luận và cảm xúc của người viết.+ Trong văn biền ngẫu, các câu đối nhau theo từng cặp vé âm (thanh bằng, thanh trắc) và từ loại (danh từ với danh từ, động từ với động từ,...) tạo nén nhịp điệu và ý nghĩa của bài văn. Ví dụ: Câu 4 chữ đối với câu 4 chữ “ruột đau như cắt, // nước mắt đầm đìa"; câu 6 chữ đối với câu 6 chữ “sinh ra phải thời loạn lạc, // lớn lẻn gặp buổi gian nan” *(Hịch tướng sĩ cùa* Trắn Quốc Tuấn) hoặc câu 4 / 6 và 4 / 6 (“Đô đốc Thôi Tụ(1> / lê gối dáng tờ tạ tội // Thượng thư Hoàng Phúc(2)/trói tay để tự xin hàng" *(Đại cáo bình Ngô* của Nguyễn Trãi);... | **- Nghị luận xã hội hiện đại** được viết bằng văn xuôi quốc ngữ.- Câu vần tự do. về nội dung, bên cạnh những vấn đề có tính chất quốc gia, quốc tế, các văn bản nghị luận xã hội hiện đại còn bàn bạc nhiều vấn đề của cuộc sống đời thường. - Tác giả nghị luận xã hội hiện đại có thể là những nhân vật có uy tín, có vị trí trong xã hội hoặc có thể là một người bình thường. |
| **Một số thành tố của văn bản nghị luận** | - Luận đề là quan điểm (tư tưởng) bao trùm toàn bộ bài viết, thường được nêu ở nhan đề hoặc trong phần mở đầu của văn bản.- Luận điểm nhằm triển khai làm rõ luận đé. Số lượng luận điểm nhiều hay ít tuỳ thuộc vào nội dung của vấn đề được triển khai trong bài nghị luận. Các luận điểm lại được làm sáng tỏ bởi các lí lẽ và bằng chứng.- Ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết là những phát biểu, nhận định mang quan điểm riêng của tác giả nên chúng có thể đúng hoặc chưa đúng.- Bằng chứng khách quan là những sự vật, số liệu có thật, có thể kiểm nghiêm được trong thực tế đời sống.- Các ý kiến, đánh giá chủ quan cùa người viết chĩ có thể được làm sáng tỏ và chứng minh tính đúng đắn thông qua các lí lẽ và bằng chứng khách quan. Nếu không có các lí lẽ và bằng chứng khách quan thì các luận điểm của người viết sẽ thiếu chính xác và không thể thuyết phục người đọc. |

**II. TIẾNG VIỆT**

***Nhiệm vụ: Củng cố tri thức đã học về tiếng Việt***

 **a. Mục tiêu:**

- Nắm được các nội dung thực hành tiếng Việt trong sách Ngữ Văn 8, tập một

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, nhớ lại kiến thức đã học để tiến hành trả lời câu hỏi.

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- Nêu những nội dung chính của phần tiếng Việt trong sách *Ngữ văn 8,* tập một ( Bài 4, 5) ?**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ****-** HS suy nghĩ trả lời- GV quan sát, hỗ trợ**Bước 3: Báo cáo, thảo luận****-** HS báo cáo kết quả;- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các bạn**B4: Kết luận, nhận định (GV)****-** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Đọc đoạn văn và thực hiện yêu cầu**  a. Đoạn văn trên được viết theo kiểu diễn dịch  b. Câu chủ đề của đoạn văn trên là: *Tiếng cười có một nhiệm vụ quan trong với cấu trúc cơ thể của chúng ta.*  c. Tìm từ Hán Việt:- Thân thể: thân mình. Chỉ chung mình mẩy chân tay của một người.- Hài hòa: phối kết phù hợp và cân đối, hòa thuận nhịp nhàng.- Khôi phục: Cái gì đã mất mà lấy lại được, làm cho việc gì trở lại như vốn có, như trước đó gọi là “khôi phục”. **2. Xác định từ ngữ địa phương, thán từ**  a. Từ ***miệt*** là từ ngữ địa phương, được dùng để chỉ “vùng,miền, thường không lớn lắm”.  b. Trong bài ca dao, ***“ơi”*** là thán từ, dùng để gọi một cách thân mật, thân thiết.**3. Xác định từ tượng thanh, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn**  a. Trong câu tục ngữ, từ tượng thanh *uôm uôm* có tác dụng mô phỏng âm thanh của tiếng ếch kêu.  b. Nghĩa tường minh của câu tục ngữ: Khi ếch kêu uôm uôm thì ao chuôm đầy nước.      Nghĩa hàm ẩn của câu tục ngữ: Ếch kêu uôm uôm là dấu hiệu báo trời sắp mưa. Câu tục ngữ nêu lên một kinh nghiệm của dân gian về thời tiết. |

**III. VIẾT**



**a. Mục tiêu:** Nắm được các yêu cầu của các kiểu văn bản

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, nhớ lại kiến thức đã học để tiến hành trả lời câu hỏi.

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**Ở học kì I của lớp 8, em được tiếp tục rèn luyện một số kiểu bài viết đã học ở lớp 6 và lớp 7. Đó là những kiểu bài như: viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do, viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên, viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống, viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội, viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống. So với những lớp trước, ở học kì này, em đã học thêm được cách triển khai chi tiết nội dung, cách trình bày và hiểu được cách làm bài văn sâu hơn các kì trước.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS thực hiện nhiệm vụ.- GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn học sinh **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- HS báo cáo kết quả;- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn**B4: Kết luận, nhận định (GV)****-** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Kiểu bài** | **Khái niệm** | **Đặc điểm** | **Bố cục** |
| **Văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên** | Là văn bản được viết để lí giải nguyên nhân xuất hiện và cách thức diễn ra của một hiện tượng tự nhiên | Thường xuât hiện trong các tài liệu khoa học với các dạng như: giải thích trình tự diễn ra các hiện tượng tự nhiên, giải thích nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện của hiện tượng tự nhiên….. | – Phần mở đầu– Phần nội dung– Phần kết thúc |
| **Văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống** | là kiêu văn bản thông tin trình bày ý kiến, nguyện vọng của người viết, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân xem xét giải quyết một vấn đề của đời sống thuộc thẩm quyền của họ | Cung cấp đầy đủ, chính xác các thoogn tin về thời gian, địa điểm ,tổ chức hoặc cá nhân đề nghị, thông tin về người viết kiến nghị | – Phần mở đầu– Phần nội dung– Phần kết thúc– phụ định |
| **Bài văn kể lại một hoạt động xã hội** | Là kiểu văn bản về về một hoạt động xã hội của chủ thể | – Thể hiện việc chuẩn bị, điễn biến và ý nghĩa của hoạt động | – Phần mở đầu– Phần nội dung– Phần kết thúc |

 |

**NÓI VÀ NGHE**

***Nhiệm vụ: Củng cố tri thức đã học về rèn kĩ năng nói và nghe***

 **a. Mục tiêu:**

- Nắm được các yêu cầu của các kiểu văn bản đã luyện kĩ năng nói và nghe

 trong sách Ngữ Văn 8, tập một

- Nắm được các bước tiến hành luyện kĩ năng nói và nghe và nhiệm vụ của từng bước

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, nhớ lại kiến thức đã học để tiến hành trả lời câu hỏi.

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- Nêu những nội dung chính được rèn luyện về kĩ năng nói và nghe ở sách *Ngữ văn 8,* tập một ( Bài 4,5) . Xác định trọng tâm phần nói và nghe của mỗi bài.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ****-** HS thực hiện nhiệm vụ.- GV quan sát, hỗ trợ**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận****-** HS báo cáo kết quả;- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn**B4: Kết luận, nhận định (GV)****-** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Liệt kê những nội dung thực hành nói và nghe mà em đã trải nghiệm ở mỗi bài học của học kì I. Trong những nội dung ấy, em có ấn tượng với trải nghiệm ở bài học nào nhất?**   Những nội dung thực hành nói và nghe:- Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.- Nghe và nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm, trình bày lại nội dung đó.- Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.- Thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống.- Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.**2. Việc nghe tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác và nghe nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm, trình bày lại nội dung đó có điểm gì giống và khác nhau****Câu 3: Nếu được chia sẻ kinh nghiệm liên quan đến việc trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội, em sẽ chọn chia sẻ điều gì?**Nếu được chia sẻ kinh nghiệm liên quan đến việc trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội, em sẽ chọn chia sẻ về cách tìm ý:– Dựa vào bài viết lựa chọn các ý chính, các chỗ có thể lược bỏ.– Tìm những câu mở đầu, kết thúc bài nói phù hợp, nhằm gây chú ý, tạo ấn tượng đối với người nghe.– Sử dụng công cụ hỗ trợ như: bản tóm tắt các ý chính đề khi cần chỉ nhìn lướt qua là nhớ, chuẩn bị tìm hình ảnh, video, sơ đồ, bảng biểu để trình chiếu nhằm tăng tính thuyết phục cho lí lẽ và bằng chứng.– Dự kiến trước một số điểm thắc mắc mà người nghe có thể nêu lên để tìm cách trả lời, giải đáp.Câu 4: Điều quan trọng nhất cần lưu ý để việc thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống đạt kết quả như mong muốn là gì? Vì sao em cho như vậy?Theo em là cần tôn trọng quan điểm khác biệt. Bởi mỗi người có một suy nghĩ khác nhau, cần tôn trọng các ý kiến đó, không chen ngang mà nên nghe và thống nhất, học hỏi, tìm ra ý kiến tốt nhất để cùng nhau học tập trao đổi |

**HOẠT ĐỘNG 3,4. LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân giải quyết câu hỏi và bài tập trắc nghiệm và tự luận theo mức độ kiến thức ( Biết – Hiểu – Vận dụng thấp – Vận dụng cao)

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**-** Luyện tập một số đề đọc hiểu ngoài chương trình để củng cố, mở rộng kiến thức về Hài kịch, truyện cười và Văn nghị luận xã hội.

***\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:***

- Gv Phát đề cho hs, yêu cầu hs độc lập làm các câu hỏi cho từng đề

- GV hướng dẫn học sinh sửa chữa từng đề( chú ý bám sát đặc trưng thể loại, đặc điểm của thể loại hài kịch, truyện cười và văn nghị luận )

***PHẦN I. ĐỌC HIỂU***

 ***Đề 1:***

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**

**HAI KIỂU ÁO**

*Có ông quan lớn đến hiệu may để may một cái áo thật sang tiếp khách. Biết quan xưa nay nổi tiếng luồn cúi quan trên, hách dịch với dân, người thợ may bèn hỏi :*

*- Xin quan lớn cho biết ngài may chiếc áo này để tiếp ai ạ ?*

*Quan lớn ngạc nhiên :*

*- Nhà ngươi biết để làm gì ?*

*Người thợ may đáp :*

*- Thưa ngài, con hỏi để may cho vừa. Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.*

*Quan ngẫm nghĩ một hồi rồi bảo :*

*- Thế thì nhà ngươi may cho ta cả hai kiểu.*

*(Theo Trường Chính - Phong Châu)*

**Câu 1 (0.5 điểm).** Truyện *“Hai kiểu áo”* thuộc thể loại nào?

A. Truyện cười. B. Truyện đồng thoại. C. Truyện cổ tích D. Truyện ngụ ngôn.

**Câu 2 (0.5 điểm):** Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

A. Miêu tả B. Tự sự C. Biểu cảm D. Nghị luận

**Câu 3 (0.5 điểm):** Văn bản trên sử dụng ngôi kể thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba D. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

**Câu 4 (0.5 điểm).** Nội dung được đề cập trong câu chuyện trên nhằm mục đích gì?

A. Mua vui, giải trí.

B. Phê phán sự coi thường của người dân đối với quan.

C. Phê phán thói hư, tật xấu của quan lại .

D. Phê phán thói keo kiệt, bủn xỉn của quan.

**Câu 5 (0.5 điểm):** Em hiểu thế nào về nghĩa của từ *“hách dịch”*?

A. Thể hiện thái độ hòa nhã, coi trọng của cấp dưới đối với cấp trên.

B. Thể hiện thái độ ưu ái, quan tâm đến của cấp trên đối với cấp dưới.

C. Thể hiện thái độ ra oai, hạch sách người khác do cậy mình có quyền thế.

D. Thể hiện thái độ nhân nhượng của cấp trên đối với cấp dưới.

**Câu 6 (0.5 điểm):** Nội dung nghĩa hàm ẩn trong câu *“… Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.”* là gì?

A. Khi gặp quan trên, ngài sẽ luồn cúi, nên vạt trước chùng lại

B. Khi gặp dân, vị quan này là người vênh váo, hách dịch nên vạt trước sẽ hớt lên.

C. Vị quan là người hai mặt, trên thì nịnh hót, dưới thì chèn ép.

D. Cả A và B

# Câu 7 (0.5 điểm): Chi tiết người thợ may hỏi quan lớn may chiếc áo này để tiếp ai có ý nghĩa gì?

A. Có ý nịnh nọt quan để được thưởng.

B. Có ý để quan may thêm một cái áo nữa.

C. Thể hiện thái độ kính trọng đối với quan.

D. Có ý mỉa mai người quan luôn hách dịch với nhân dân và nịnh nọt quan trên.

**Câu 8 (0.5 điểm):** Viên quan trong câu chuyện là người như thế nào?

A. Tính cách hèn hạ đối với cấp trên và hách dịch đối với kẻ dưới.

B. Đối xử không công bằng với kẻ dưới.

C. Hay nịnh nọt cấp trên.

D. Khinh ghét người nghèo khổ.

**Câu 9 (1 điểm):** Hãy nêu bài học ý nghĩa nhất đối với em rút ra từ văn bản trên.

Bài học:

- Nên có thái độ với những người quan chuyên đi đối xử tồi tệ với dân.

- Chúng ta nên có thái độ hòa nhã với tất cả mọi người chứ không nên phân biệt đối xử.

**Câu 10 (1 điểm):** Qua câu chuyện, tác giả dân gian đã phê phán kiểu người nào trong xã hội bấy giờ?

Tác giả phê phán kiểu người trong xã hội bấy giờ:

- Một số quan lại luôn tìm cách xu nịnh, luồn lách để được thăng tiến, vơ vét của cải của dân lành về làm giàu cho mình

- Thói khinh bỉ, bắt nạt, coi thường những người dân đen nghèo khổ.

**Đề 2:**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu**

 **TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA**

Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.

Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang của thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.

Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. Từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ những kiều bào ở nước ngoài đến những đồng bào ở vùng tạm bị chiếm, từ nhân dân miền ngược đến miền xuôi, ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc. Từ những chiến sĩ ngoài mặt trận chịu đói mấy ngày để bám sát lấy giặc đặng tiêu diệt giặc, đến những công chức ở hậu phương nhịn ăn để ủng hộ bộ đội, từ những phụ nữ khuyên chồng con đi tòng quân mà mình thì xung phong giúp việc vận tải, cho đến các bà mẹ chiến sĩ săn sóc yêu thương bộ đội như con đẻ của mình. Từ những nam nữ công nhân và nông dân thi đua tăng gia sản xuất, không quản khó nhọc để giúp một phần vào kháng chiến, cho đến những đồng bào điền chủ quyên đất ruộng cho Chính phủ... Những cử chỉ cao quý đó, tuy khác nhau nơi việc làm, nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước.

Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bổn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.

 (Hồ Chí minh, trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 6, NXB Sự thật, Hà Nội, 1986)

**Câu1: Văn bản trên thuộc thể loại nào?**

 A. Tự sự

B. Nghị luận

C. Thuyết minh

D. Biểu cảm

**Câu 2**: **Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?**

A. Nghị luận

B. Tự sự

C. Miêu tả

D. Biểu cảm

**Câu 3**: Đoạn văn *“Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.”* được trình bày theo kiểu:

A. Đoạn văn diễn dịch

B. Đoạn văn quy nạp

C. Đoạn văn song song

D. Đoạn văn phối hợp

**Câu 4** : Bằng chứng tác giả đưa ra cho lí lẽ *“Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta”* là gì?

A. Những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Quang Trung,…

B. Cuộc chiến chống quân Mông - Nguyên, đội quân xâm lược rất mạnh.

C. Tinh thần chiến đấu của Quang Trung.

D. Tinh thần chiến đấu của nhân dân ta.

**Câu 5:**Trong bài văn trên, Bác Hồ viết về lòng yêu nước của nhân dân ta trong thời gian nào ?

A. Trong quá khứ

B. Trong hiện tại

C. Trong quá khứ và hiện tại

D. Trong tương lai

**Câu 6: Văn bản này bàn về vấn đề gì?**

A. Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

B. Truyền thống chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta.

C. Tinh thần đoàn kết trong xây dựng đất nước ta.

D. Truyền thống hiếu học của nhân dân ta.

**Câu 7:**  **Nét đặc sắc trong nghệ thuật nghị luận của bài văn này là gì ?**

A. Những người cùng một sở thích.

B. Sử dụng biện pháp so sánh

C. Sử dụng biện pháp ẩn dụ

D. Sử dụng biện pháp nhân hoá

D. Sử dụng biện pháp so sánh và liệt kê theo mô hình “từ … đến…”

**Câu 8** : Ý nghĩa của đoạn văn: *"Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm"* là gì?

A. Hai trạng thái của lòng yêu nước.

B. Dù thể hiện dưới hình thức nào lòng yêu nước cũng vô cùng quý giá.

C. Lòng yêu nước là các thứ của quý.

D. Lòng yêu nước có thể âm thầm kín đáo hoặc biểu lộ rõ ràng, cụ thể

**Câu 9: Theo em , ngày nay thế hệ trẻ đã phát huy lòng yêu nước của cha ông như thế nào?**

**Câu 10: Bài học nhận thức rút ra từ văn bản trên?**

**PHẦN II/ VIẾT:** Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống

**\* Gợi ý:**

**\* Mở bài:**

Nêu vấn đề cần nghị luận, đánh giá chung

**\* Thân bài:** Nêu suy nghĩ về vấn đề

- Nêu khái niệm

- Nêu ra thực trạng / biểu hiện của vấn đề

- Nêu nguyên nhân của thực trạng trên.( khách quan, chủ quan)

( Kết hợp lí lẽ với bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến)

- Nêu hậu quả( kết quả)

- Đưa ra biện pháp để đầy lùi/ nhân rộng của vấn đề

- Phản biện:

**\* Kết bài:** Khái quát lại vấn đề, rút ra bài học cho bản thân

**\* GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN HS BÀI TẬP VÀ CHUẨN BỊ Ở NHÀ**

- Củng cố khắc sâu kiến thức ( Văn bản, Tiếng Việt, Viết) ở HK I

- Hoàn thành các bài tập Phần luyện tập vận dụng

- Tìm tòi : Thêm 1 số đề khác ngoài chương trình nhà trường để rèn luyện kỹ năng, chuẩn bị tốt cho kì thi KSCL cuối HKI.